

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

(Công văn số 9150/UBCK-QLKD ngày 31/12/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

- Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 83/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 16/01/2008, thay đổi gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 58/GPĐC – UBCK ngày 09/09/2020
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: 024 3377 6699
- Website: <https://sbsi.vn/> Email: info@sbsi.vn
- Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/12/2021: 339.000.000.000 đồng
(Bằng chữ: Ba trăm ba mươi chín tỷ đồng)

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Họ tên: Nguyễn Quang Anh
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Điện thoại: 024 3377 6699



MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	4
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty	4
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty	8
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	8
4. Cơ cấu cổ đông	21
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng	22
6. Hoạt động kinh doanh	22
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gần nhất và trong kỳ gần nhất	30
8. Vị thế của công ty trong ngành	32
9. Chính sách đối với người lao động	34
10. Chính sách cổ tức	35
11. Tình hình tài chính trong năm gần nhất và kỳ gần nhất	36
12. Tài sản	43
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	43
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng	46
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	46
16. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty	47
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	48
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị	48
2. Ban kiểm soát	51
3. Tổng giám đốc và người quản lý khác	54
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	55
5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	56
6. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định	59
PHỤ LỤC	60

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty.....	21
Bảng 2: Cơ cấu Doanh thu của Công ty các năm.....	26
Bảng 3: Cơ cấu chi phí của Công ty các năm.....	27
Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận gộp.....	29
Bảng 5: Các hợp đồng lớn.....	29
Bảng 6: Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.....	30
Bảng 7: Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.....	32
Bảng 8: Số lượng người lao động trong Công ty.....	34
Bảng 9: Tỷ lệ chi trả cổ tức.....	36
Bảng 10: Vốn điều lệ, vốn kinh doanh.....	36
Bảng 11: Các tài sản tài chính của Công ty.....	37
Bảng 12: Tình hình các khoản nợ phải trả của Công ty.....	39
Bảng 13: Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.....	40
Bảng 14: Số dư các quỹ của Công ty.....	40
Bảng 15: Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.....	41
Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty.....	42
Bảng 17: Tình hình tài sản của Công ty.....	43
Bảng 18: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	43
Bảng 19: Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan năm 2021.....	59

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	8
Hình 2: Ứng dụng giao dịch trên điện thoại (SB – App).....	23
Hình 3: Ứng dụng giao dịch trực tuyến (SB – Trade) Go Live từ 04/05/2020.....	24

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty

1.1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty.

a) Giới thiệu chung về Công ty

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt : Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers
- Tên tiếng Anh : Stanley Brothers Securities Incorporation
- Tên viết tắt : SBSI
- Giấy phép thành lập và hoạt động : Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 83/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 16/01/2008, thay đổi gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 58/GPĐC – UBCK ngày 09/09/2020
- Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại : 024 3377 6699
- Website : <https://sbsi.vn/>
- Vốn điều lệ đăng ký : 339.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp : 339.000.000.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Quang Anh – Tổng Giám đốc
- Nghiệp vụ kinh doanh :
 - Môi giới chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - TỰ doanh chứng khoán;
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Ngày đáp ứng điều kiện công ty đại chúng : 21/12/2021
Ngày 31/12/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có Công văn số 9150/UBCK-QLKD xác nhận ngày đăng ký công ty đại chúng của Công ty là ngày 31/12/2021.

b) Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

- **Năm 2008:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu, được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 83/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

cấp ngày 16/01/2008.

Trụ sở chính đặt tại tầng 5 và 6 tòa nhà 1015 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Quận 5, Tp Hồ Chí Minh; vốn điều lệ: 35.000.000.000 đồng. Công ty được thực hiện các loại hình kinh doanh gồm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán

- **Năm 2017:**

Ngày 29/03/2017, Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu thay đổi địa chỉ trụ sở chính. Trụ sở mới đặt tại Tầng 15 – tòa nhà Diamond Flower, số 1 đường Hoàng Đạo Thúy (Lô C1 khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính), phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; vốn điều lệ Công ty không thay đổi (35 tỷ đồng); theo Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 29/03/2017.

Ngày 19/07/2017, Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu thay đổi thông tin địa chỉ trụ sở chính. Địa điểm đặt trụ sở chính của Công ty: Tầng 15 – tòa nhà Diamond Flower, số 48 đường Lê Văn Lương, khu đô thị mới N2, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; vốn điều lệ Công ty không thay đổi (35 tỷ đồng); theo Giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK ngày 19/07/2017.

- **Năm 2018:** Tháng 12/2018 Công ty hoàn thành đợt Chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ, vốn điều lệ Công ty được tăng lên từ 35 tỷ đồng lên 339 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK ngày 31/01/2019 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

- **Năm 2019:** Ngày 31/01/2019, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers theo Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK ngày 31/01/2019 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo đó:

- Tên Công ty sau khi thay đổi: Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers
- Trụ sở chính: Tầng 9 Tòa nhà TNR, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 339.000.000.000 đồng
- Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: tự doanh chứng khoán

- **Năm 2020:** Ngày 09/09/2020 Công ty bổ sung nghiệp vụ kinh doanh Bảo lãnh phát hành chứng khoán, vốn điều lệ Công ty giữ nguyên (339 tỷ đồng) theo Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 58/GPĐC-UBCK ngày 09/09/2020.

- Ngày 31/12/2021, Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) xác nhận ngày đăng ký Công ty đại chúng của Công ty là ngày 31/12/2021 theo Công văn số 9150/UBCK-QLKD của UBCKNN.

- Ngày 06/01/2022, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 01/2022/GCNCP-VSD với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 33.900.000 cổ phiếu.

1.2 Giới thiệu về cổ phiếu đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán: VUA
- Tổng số chứng khoán Đăng ký giao dịch: 33.900.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật hoặc của tổ chức Đăng ký giao dịch: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty).
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: tuân theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán. Hiện tại, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tối đa là 100%.
- Tại thời điểm ngày 31/12/2021, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers là 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ).

1.3 Quá trình góp vốn, tăng vốn từ thời điểm thành lập đến nay

Công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 83/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/01/2008, với vốn điều lệ ban đầu là 35.000.000.000 đồng.

Từ khi thành lập đến nay Công ty đã thực hiện 01 lần tăng vốn, chi tiết quá trình tăng vốn như sau:

Lần	Thời gian tăng vốn	VĐL trước tăng vốn (triệu đồng)	VĐL tăng thêm (triệu đồng)	VĐL sau tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng	Cơ sở pháp lý
1	09/2018	35.000	304.000	339.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	<ul style="list-style-type: none">- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2018 Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu số 210918/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/09/2018;- Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 08/GPĐC-UBCK ngày 31/01/2019 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tăng vốn lần 1: từ 35.000.000.000 đồng lên 339.000.000.000 đồng:

- Vốn điều lệ trước phát hành: 35.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 339.000.000.000 đồng
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 30.400.000 cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
- Hình thức phát hành: phát hành riêng lẻ
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 20 cổ đông
- Số lượng cổ đông mua: 20 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 20 cổ đông
- Mục đích sử dụng vốn:
 - Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh;
 - Bổ sung vốn cho hoạt động giao dịch ký quỹ chứng khoán;
 - Bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán;
 - Bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Cơ quan chấp thuận phát hành: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Căn cứ pháp lý:
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2018 Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu số 210918/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/09/2018;
 - Công văn số 7192/UBCK-QLKD ngày 23/10/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước v/v Hồ sơ chào bán riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu;
 - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ ngày 21/12/2018 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Giấy xác nhận số dư tài khoản phong tỏa của Ngân hàng về số tiền thu được từ đợt chào bán theo quy định tại ngày 21/12/2018;
 - Công văn số 8442/UBCK-QLKD ngày 25/12/2018 v/v báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu;
 - Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 08/GPĐC-UBCK ngày 31/01/2019 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

1.4 Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng

Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng: 21/12/2021.

1.5 Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng bao gồm:

- Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 108 cổ đông

- Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 33.900.000 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 100%).

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán hiện hành, Điều lệ tổ chức hoạt động và các văn bản pháp luật có liên quan khác. Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay gồm Trụ sở chính tại địa chỉ: Tầng 9 Tòa nhà TNR, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu chi phí, hiện Công ty không có công ty con/ chi nhánh/ phòng giao dịch trực thuộc, hoạt động kinh doanh của Công ty tập trung tại trụ sở chính.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty như sau:

Hình 1: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers)

3.1 Đại Hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được điều lệ Công ty và pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định mức chi trả cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng hoặc giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- Các quyền khác được quy định tại điều lệ Công ty.

3.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý quan trọng khác do Hội đồng quản trị quy định trong từng thời kỳ, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo uỷ quyền;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành

công việc kinh doanh hàng ngày;

- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế tài chính, quy chế lương và một số quy chế nội bộ quan trọng khác do Hội đồng quản trị quy định trong từng thời kỳ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Các quyền khác được quy định tại điều lệ Công ty.

3.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có nhiệm vụ:

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

3.4 Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị; Đại hội đồng cổ đông;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức. Ban hành các quy chế quản lý nội bộ Công ty (bao gồm các quy chế, quy định, quy trình...) trừ những quy chế nội bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Các quyền khác được quy định tại điều lệ Công ty.

3.5 Chức năng các phòng ban

3.5.1 Phòng hành chính nhân sự

Phòng hành chính nhân sự có nhiệm vụ sau:

- Đề xuất các phương án xây dựng, củng cố và kiện toàn bộ máy của Công ty: Cơ cấu tổ chức, biên chế nhân sự; việc thành lập, giải thể, sáp nhập, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc;
- Xây dựng và trình Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt hệ thống các chức danh, vị trí công việc và hệ thống bản mô tả vị trí công việc trong toàn Công ty;
- Hướng dẫn, tổ chức thực hiện, thống kê, kiểm soát và đánh giá các quá trình tuyển dụng; đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí, đánh giá, phân loại, khen thưởng, kỷ luật lao động trong toàn Công ty;
- Xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm soát việc thực hiện các chế độ, chính sách (tiền lương; BHXH; BHYT; chấm dứt, chuyển công tác, phép năm....) đối với người lao động theo quy định của pháp luật và của Công ty;
- Tổ chức thực hiện và kiểm soát hoạt động mua sắm, bảo trì, bảo dưỡng, phân bổ, điều động, sửa chữa, kiểm kê, thanh lý tài sản cố định và công cụ dụng cụ sản xuất trong toàn Công ty;
- Quản lý y tế phục vụ nhu cầu sơ cấp cứu, điều trị thông thường tại cơ sở; vệ sinh môi trường, phòng dịch; bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho cán bộ công nhân viên;
- Phối hợp với các đơn vị tổ chức và kiểm soát hoạt động an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với người lao động đang làm việc tại Công ty và đang thi công thực hiện dự án;
- Tham gia với các Phòng xây dựng định mức nội bộ, định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty; tham gia vào quá trình hoạch định, cung cấp nguồn nhân lực, kiểm soát nguồn lực để tham gia thực hiện các dự án theo kế hoạch chung của toàn Công ty; tham gia vào việc cung cấp các thông tin phục vụ cho công tác đầu thầu;
- Hàng năm tham gia xây dựng mục tiêu chất lượng của Công ty và tổ chức thực hiện, kiểm soát, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Phòng theo sự phân công của Tổng Giám đốc Công ty;
- Chủ trì soạn thảo và trình Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt các văn bản và tài liệu quản lý nội bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;
- Phối hợp với các đơn vị thẩm tra, xem xét, đề xuất biện pháp giải quyết đơn thư

kiếu nại, tố cáo có liên quan đến người lao động của Công ty.

3.5.2 Phòng Công nghệ thông tin

Chức năng:

- Tham mưu cho Ban lãnh đạo về công tác quản lý và phát triển ứng dụng Công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực hoạt động của đơn vị.
- Xây dựng định hướng, chiến lược và phát triển Công nghệ thông tin để ứng dụng cho toàn bộ hoạt động của đơn vị trong từng giai đoạn phát triển.
- Hỗ trợ các phòng ban khác các vấn đề về kỹ thuật chuyên môn.
- Tổ chức triển khai các hoạt động chuyên trách công nghệ thông tin của đơn vị. Thực hiện công tác quản lý, vận hành hệ thống Công nghệ thông tin của đơn vị đảm bảo tính liên tục và bảo mật .

Nhiệm vụ:

- Nghiên cứu, đề xuất và triển khai xây dựng hệ thống, duy trì, quản trị, tối ưu hóa hệ thống máy chủ, hệ thống lưu trữ, tổng đài, camera, giám sát vào ra, mạng, phần mềm hệ thống v.v..)
- Chịu trách nhiệm về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động an ninh mạng – truyền thông, mạng Công nghệ thông tin của Công ty. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định, cấp quyền sử dụng, quy trình kỹ thuật các chương trình của hệ thống Core banking, an ninh mạng - truyền thông.
- Chịu trách nhiệm về tất cả các hoạt động liên quan đến quản trị cơ sở dữ liệu, quản trị hệ thống Core-Giao dịch chứng khoán và các ứng dụng về công nghệ thông tin của Công ty, đảm bảo sự vận hành liên tục và hiệu quả của toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin.
- Thực hiện việc đánh giá, phân tích định kỳ về hiệu quả các hệ thống phần cứng, phần mềm; đề xuất các giải pháp để cải tiến, tối ưu hoá hiệu quả hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin.
- Nghiên cứu, thử nghiệm, triển khai các dự án, áp dụng công nghệ vào khai thác sản phẩm dịch vụ của Công ty và chuyển giao sản phẩm dịch vụ đã hoàn thiện cho khách hàng theo chỉ đạo của Ban điều hành.
- Tiếp nhận yêu cầu và xử lý các sự cố trong quá trình sử dụng phần mềm, vận hành máy tính, hệ thống phần cứng. Thống kê, tổng hợp các loại rủi ro, các trường hợp lỗi trong hệ thống công nghệ thông tin; đề xuất hướng phòng ngừa, xử lý và khắc phục.
- Xây dựng các quy trình, quy chế, quy định, quản lý thiết bị, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực của Phòng; đánh giá hiệu quả các quy trình, quy định này trong thực tế để liên tục cải tiến, giúp nâng cao hoạt động của Công ty.
- Xây dựng tài liệu sử dụng, đào tạo hướng dẫn sử dụng các phần mềm ứng dụng cho cán bộ, nhân viên trong Công ty.
- Thực hiện xây dựng chiến lược, kế hoạch ngân sách hàng năm, kế hoạch công việc của Phòng từng tháng để trình Tổng giám đốc phê duyệt. Đề xuất mua sắm, quản lý các tài sản về công nghệ thông tin của toàn Công ty

- Tổ chức bộ máy nhân sự, phân công công việc trong Phòng để hoàn thành kế hoạch ngân sách năm, kế hoạch công việc của phòng/ban đã được phê duyệt từng thời kỳ.
- Thực hiện các báo cáo nội bộ theo Quy định của Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu của Ban điều hành.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban điều hành phân công.

3.5.3 Phòng Nghiệp vụ

Phòng Nghiệp vụ gồm các bộ phận sau: Bộ phận Dịch vụ Khách hàng, Bộ phận Lưu ký, Bộ phận Dịch vụ Tài chính, Bộ phận Sản phẩm cấu trúc

a) Bộ phận Dịch vụ Khách hàng

Chức năng:

- Cung cấp và tư vấn sản phẩm/dịch vụ theo đúng nhu cầu/đối tượng khách hàng.
- Thực hiện nhận lệnh và đặt lệnh giao dịch qua các phương thức đặt lệnh theo đúng quy định của Công ty.
- Thực hiện đối chiếu kết quả giao dịch của Công ty và xử lý các phát sinh giao dịch.
- Thực hiện vận hành hệ thống, đảm bảo tính hợp lệ trong giao dịch trong ngày của khách hàng.
- Giám sát tuân thủ và vận hành các quy trình dịch vụ khách hàng

Nhiệm vụ:

- Chăm sóc, hỗ trợ và phục vụ các yêu cầu của khách hàng theo đúng quy trình nội bộ đã ban hành.
- Đảm bảo tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng được áp dụng đúng chính sách Công ty đã ban hành.
- Đảm bảo tính chính xác và hợp lý về thông tin và các phát sinh trên tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng.
- Đảm bảo nhận và nhập lệnh chính xác cho khách hàng.
- Hoàn thiện và phát triển hệ thống phần mềm giao dịch.
- Kiểm soát giao dịch toàn công ty và xử lý các phát sinh giao dịch (nếu có).
- Hoàn thành báo cáo theo yêu cầu của Ban lãnh đạo.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Tổng giám đốc.

b) Bộ phận Lưu ký

Chức năng:

- Nhận gửi, rút, chuyển khoản, phong tỏa chứng khoán, thanh toán mua bán chứng khoán trên tài khoản của khách hàng và tài khoản tự doanh của Công ty.
- Tái lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
- Thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán.
- Quản lý việc cầm cố, thế chấp chứng khoán của khách hàng.
- Thanh toán bù trừ chứng khoán với chi nhánh và Trung tâm lưu ký chứng khoán

- Thực hiện các hợp đồng lưu ký với khách hàng về cổ phiếu chưa niêm yết/giao dịch trên sàn, các chứng chỉ chứng khoán ghi sổ và chứng chỉ chứng khoán vật chất.
- Thực hiện nghiệp vụ liên quan trong các hợp đồng bán đấu giá, hợp đồng đại lý phát hành và các hợp đồng có liên quan khác.
- Xây dựng và phát triển các sản phẩm dịch vụ liên quan và hệ thống giao dịch liên quan.
- Vận hành các sản phẩm và cơ chế (cài đặt chính sách sản phẩm, chính sách khách hàng, kiểm soát giao dịch...)
- Kiểm soát chứng từ giao dịch của khách hàng, thực hiện việc chấm các giao dịch trong ngày so với chứng từ gốc của các bộ phận liên quan
- Tiếp nhận, lưu trữ các chứng từ trên hệ thống và lưu trữ chứng từ gốc.
- Xây dựng các quy trình nghiệp vụ liên quan

Nhiệm vụ:

- Đảm bảo chính xác, kịp thời, an toàn trong các giao dịch phát hành, chuyển nhượng, bù trừ, thanh toán chứng khoán, đảm bảo an toàn về tài sản và quyền lợi của khách hàng.
- Tuân thủ quy định pháp luật và quy trình, quy định nội bộ của Công ty về việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho khách hàng sử dụng dịch vụ quản lý sổ cổ đông đối với chứng khoán niêm yết và các nghiệp vụ khác của phòng.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc giao.

c) Bộ phận Dịch vụ tài chính

Chức năng:

- Quản lý, cài đặt thông tin loại hình tín dụng của Công ty.
- Cung cấp đầy đủ thông tin của sản phẩm tín dụng tới các phòng ban liên quan .
- Theo dõi hạn mức tín dụng của Công ty
- Quản lý danh mục chứng khoán cho vay ký quỹ của Công ty.
- Quản lý thông tin dư nợ của khách hàng.
- Phối hợp với phòng Tài chính kế toán đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả.
- Thực hiện quản lý và vận hành nghiệp vụ tín dụng đảm bảo tính chính xác về mặt số liệu và hợp lệ trong giao dịch.
- Xây dựng quy trình liên quan đến nghiệp vụ.

Nhiệm vụ:

- Cài đặt, thêm mới, cập nhật các loại hình tín dụng theo sản phẩm đã được phê duyệt.
- Cập nhật, điều chỉnh hạn mức của Công ty.
- Thực hiện cấp và giải tỏa bảo lãnh khi có yêu cầu.
- Cập nhật, thay đổi danh mục chứng khoán cho vay của Công ty định kỳ hàng tháng

hoặc theo tờ trình bất thường đã được phê duyệt.

- Thực hiện xử lý tín dụng cuối ngày.
- Đảm bảo cung cấp số liệu phát vay, thu hồi chính xác tới các phòng ban.
- Lưu trữ dữ liệu phục vụ công việc quản lý nghiệp vụ tín dụng.
- Lưu trữ, kiểm soát các báo cáo, công văn, tờ trình liên quan tới bộ phận Dịch vụ tài chính.
- Đề xuất các phương án, yêu cầu hoàn thiện hệ thống phục vụ vận hành nghiệp vụ tín dụng.
- Hỗ trợ các phòng ban khác theo chỉ đạo của Ban lãnh đạo
- Hoàn thành các báo cáo theo yêu cầu của Ban lãnh đạo.

d) Bộ phận sản phẩm cấu trúc

Bộ phận sản phẩm cấu trúc có nhiệm vụ chính sau:

- Lập hợp đồng trái phiếu khi có thông tin khách hàng từ bộ phận tư vấn đầu tư và giấy báo có từ bộ phận tài chính kế toán.
- Theo dõi hợp đồng trái phiếu của khách hàng, lưu hồ sơ giấy tờ, hợp đồng trái phiếu.
- Làm báo cáo gửi cơ quan ban ngành theo định kỳ.
- Xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy chế, quy định nội bộ của bộ phận sản phẩm cấu trúc.
- Hoàn thành các báo cáo theo yêu cầu của Ban lãnh đạo.

3.5.4 Phòng Kiểm soát nội bộ - tuân thủ

a) Bộ phận Kiểm soát nội bộ

Chức năng:

- Bộ phận Kiểm soát nội bộ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc về các vấn đề liên quan đến kiểm soát tuân thủ và quản trị rủi ro nhằm đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty.
- Giúp Tổng Giám đốc đánh giá mức độ thích hợp, tuân thủ quy định pháp luật của các quy định nội bộ.
- Đảm bảo hệ thống kiểm soát rủi ro, kiểm soát tuân thủ được thiết lập và vận hành phù hợp với mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty.
- Nhận diện và ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích hoặc việc hoàn thành các mục tiêu kinh doanh của công ty.
- Hỗ trợ các phòng ban trong công ty xây dựng, rà soát quy trình, qui định nội bộ, xử lý vướng mắc về tuân thủ và quản trị rủi ro.
- Đảm bảo tính chính xác, hợp lý của các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị được kiểm soát và đánh giá đầy đủ; các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phê duyệt đúng thẩm quyền và được ghi chép đầy đủ và phản ánh trung thực.
- Xây dựng và khuyến khích văn hóa tuân thủ, nhận thức rủi ro tại công ty. Thiết lập

cơ chế nhận diện, phòng ngừa, ngăn chặn, giảm thiểu và báo cáo rủi ro, tổn thất tại công ty.

- Tham mưu về mặt pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Phụ trách công tác công bố thông tin và đầu mối gửi các báo cáo cho các cơ quan quản lý theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- Thực hiện công tác Thư ký Hội đồng quản trị

Nhiệm vụ:

- Tham mưu cho Ban lãnh đạo và thực hiện triển khai thiết lập và duy trì hoạt động tuân thủ kiểm soát nội bộ hiệu quả, phù hợp với các quy định của Pháp luật, thông lệ quốc tế và quy định nội bộ, bao gồm:
 - Nghiên cứu, xây dựng và ban hành các chính sách, quy định về kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo
 - báo cáo hoạt động kinh doanh, vận hành tại các bộ phận trong công ty đều có chốt chặn kiểm soát.
 - Xây dựng hệ thống chính sách, khung quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của công ty và khách hàng của công ty.
 - Xây dựng kế hoạch triển khai kiểm soát nội bộ, đánh giá công tác quản trị rủi ro (định kì, chuyên đề, đột xuất) và đề xuất lên Tổng Giám đốc phê duyệt.
 - Giám sát thực thi các quy định nội bộ. Đánh giá kết quả thực hiện sau kiểm tra, kiểm soát; Báo cáo, kiến nghị và đề xuất Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc biện pháp xử lý, khắc phục các vấn đề không phù hợp và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện.
- Bảo đảm sự phối hợp toàn diện giữa các phòng ban, bộ phận trong Công ty, với Cơ quan thanh tra, giám sát:
 - Điều phối công tác làm việc với các Đoàn Thanh tra, Kiểm tra thực hiện thanh kiểm tra Công ty;
 - Phối hợp với các phòng ban nội bộ để cung cấp tài liệu hoặc giải trình các vấn đề do Đoàn Thanh tra, Kiểm tra yêu cầu.
- Củng cố và tăng cường văn hóa tuân thủ, văn hóa nhận diện và phòng ngừa rủi ro tại công ty:
 - Xây dựng các quy trình, hướng dẫn, sổ tay nghiệp vụ; thực hiện đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng cho cán bộ nhân viên.
 - Thực hiện truyền thông và đào tạo văn hóa tuân thủ; ý thức nhận diện và ngăn ngừa rủi ro qua các kênh trực tiếp/ gián tiếp.

b) Bộ phận Quản trị rủi ro

Bộ phận Quản trị rủi ro có nhiệm vụ sau:

- Đề xuất các chính sách quản trị rủi ro cho Tổng Giám đốc.

- Xây dựng các quy định, quy trình cụ thể nhằm kiểm soát các rủi ro liên quan đến hoạt động cho vay của công ty.
- Rà soát, điều chỉnh các mô hình định giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính được sử dụng bởi các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh.
- Đề xuất hạn mức rủi ro cho các bộ phận nghiệp vụ.
- Theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.
- Lập báo cáo định kỳ hàng tháng về quản trị rủi ro thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ để báo cáo Tổng Giám đốc.
- Thực hiện theo dõi, đánh giá hàng ngày trạng thái rủi ro của công ty chứng khoán.

c) Bộ phận pháp chế

Bộ phận pháp chế có nhiệm vụ sau:

- Thực hiện tư vấn về mặt pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc trong việc soạn thảo, ký kết các văn bản và giải quyết các vụ việc liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc trong việc tiếp xúc và ký các bản ghi nhớ với các cá nhân, tổ chức về những vấn đề liên quan đến khía cạnh pháp lý trong hoạt động của Công ty. Phối hợp với các phòng ban chức năng liên quan thực hiện những vấn đề đó để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.
- Tham gia bảo vệ quyền lợi của Công ty trong việc tố tụng giải quyết tranh chấp tại các Tòa án, Trọng tài kinh tế hoặc các cơ quan khác ở trong và ngoài nước trên cơ sở pháp luật.
- Thu thập tài liệu, xác minh để đề xuất, kiến nghị và kết luận về mặt pháp lý đối với những vụ việc, bảo vệ quyền lợi của Công ty trước cơ quan tư pháp hoặc các cơ quan Nhà nước khác khi được Tổng Giám đốc giao.
- Dự thảo các hợp đồng theo sự phân công của Tổng giám đốc và tham gia quá trình đàm phán, ký kết hợp đồng và có ý kiến về mặt pháp lý đối với các văn bản hợp đồng đó.
- Tham gia ý kiến về mặt pháp lý đối với dự thảo hợp đồng, văn bản do các khối/phòng ban khác của Công ty chủ trì soạn thảo trước khi trình Tổng Giám đốc.
- Tham gia soạn thảo, xây dựng các văn bản, quy chế liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Xem xét, kiểm tra, đưa ra ý kiến và chịu trách nhiệm về mặt pháp lý đối với dự thảo cuối cùng của các văn bản trước khi trình Tổng Giám đốc ký ban hành.
- Tiến hành rà soát và hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Kiến nghị việc tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những quy định của Công ty trái pháp luật hoặc không còn phù hợp.
- Đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định

của pháp luật.

- Phối kết hợp với các khối/phòng ban liên quan đảm bảo chế độ báo cáo được thực hiện đầy đủ và đúng hạn.
- Thực hiện các công việc của Thư ký Hội đồng quản trị.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Tổng Giám đốc.

3.5.5 Phòng Ngân hàng đầu tư

Chức năng:

- Tham mưu, tư vấn, giúp việc cho Ban lãnh đạo Công ty trong việc quản trị tài chính, huy động vốn của Công ty;
- Tư vấn dịch vụ Ngân hàng đầu tư khách hàng (cá nhân, tổ chức) trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán;

Nhiệm vụ:

- Thực hiện tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp;
- Thực hiện tư vấn quản trị doanh nghiệp: tư vấn cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn xây dựng điều lệ tổ chức và hoạt động, tư vấn xây dựng các quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Quản lý cổ đông;...
- Tư vấn M&A hỗ trợ doanh nghiệp: tư vấn xây dựng chiến lược, tìm kiếm và lựa chọn đối tượng sáp nhập/thâu tóm, Khảo sát và xác định giá trị doanh nghiệp để đưa ra mức giá hợp lý cho tổ chức thu mua, Tư vấn lựa chọn phương thức mua bán sáp nhập - Tư vấn các thủ tục giấy tờ pháp lý liên quan, Hỗ trợ khác trong quá trình chuẩn bị tham gia đàm phán;...
- Tư vấn huy động vốn cung cấp cho doanh nghiệp;...
- Dịch vụ tư vấn khác: Tư vấn xây dựng phương án chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; Tư vấn xây dựng phương án bán cổ phần; Tư vấn tái cơ cấu và xây dựng chiến lược sau chuyển đổi;...

3.5.6 Phòng Tài chính kế toán

Chức năng

- Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, luật kế toán và các quy định pháp luật hiện hành;
- Tham mưu cho Tổng giám đốc về tổ chức công tác kế toán thống nhất toàn Công ty (bao gồm Hội sở chính và các chi nhánh) và chế độ lưu trữ chứng từ kế toán theo pháp luật kế toán hiện hành;
- Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác kiểm tra kiểm soát toàn bộ các khoản doanh thu, chi phí của Công ty;
- Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác quản lý, kiểm soát tiền, bảo mật an toàn cho tài sản của Nhà đầu tư mở tài khoản chứng khoán tại công ty.

Nhiệm vụ

Quản lý thực hiện các công việc liên quan đến hạch toán kế toán:

- Ban hành hệ thống tài khoản kế toán áp dụng thống nhất trong công tác hạch toán kế toán toàn Công ty theo quy định đối với công ty chứng khoán;
- Thiết lập và hướng dẫn thiết lập hệ thống sổ sách, chứng từ, mẫu biểu kế toán thống kê thống nhất toàn Công ty theo đúng quy định pháp luật hiện hành;
- Hướng dẫn và kiểm tra thực hiện các nguyên tắc, phương thức thiết lập các chứng từ kế toán;
- Kiểm tra kiểm soát và lập chứng từ kế toán, hạch toán kế toán theo quy định của pháp luật kế toán và tuân thủ các quy định, quy chế, quy trình nội bộ của Công ty;
- Kiểm tra, kiểm soát và đôn đốc các bộ phận hoàn thiện chứng từ thanh toán đầy đủ kịp thời đảm bảo hạch toán đúng niên độ kế toán;
- Theo dõi, tính toán các khoản trích khấu hao tài sản cố định, phân bổ công cụ dụng cụ đang sử dụng, phân bổ tiền lương và hạch toán chi phí phù hợp với quy định của Nhà nước
- Thực hiện thanh toán bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tính và thanh toán tiền lương, thưởng và các chế độ khác cho cán bộ nhân viên toàn Công ty theo đúng quy định pháp luật và quy định của Công ty;
- Thực hiện thanh toán các khoản chi phí của Công ty theo đúng quy định pháp luật và các quy trình, quy chế, quy định nội bộ của Công ty;

Quản lý việc nộp, rút tiền, hạch toán và kiểm soát tài khoản tiền của nhà đầu tư:

- Thực hiện nộp, rút tiền theo chỉ định của Nhà đầu tư và quy định của Pháp luật;
- Thực hiện hạch toán Tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư theo quy định;
- Thực hiện hạch toán tiền vay giao dịch ký quỹ, vay ứng trước tiền bán chứng khoán, các dịch vụ tài chính khác và thu nợ nhà đầu tư trên cơ sở Báo cáo tổng hợp của các bộ phận liên quan;
- Thực hiện thanh toán quyền mua phát hành thêm chứng khoán cho nhà đầu tư;
- Đối chiếu số liệu thanh toán bù trừ của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam với số liệu của Công ty và thực hiện thanh toán bù trừ với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;
- Đầu mối thanh toán bù trừ tiền giao dịch giữa các chi nhánh, phòng giao dịch với Công ty.

Thực hiện công việc báo cáo, kiểm tra, kiểm soát:

- Là phòng chủ trì làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập trong việc kiểm toán độc lập báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên và theo niên độ kế toán năm;
- Kiểm soát việc lập báo cáo tiền gửi của nhà đầu tư theo tuần, báo cáo hoạt động tháng, quý, năm gửi các cơ quan quản lý theo quy định;
- Lập và gửi báo cáo tài chính, báo cáo thuế, báo cáo thống kê theo đúng kỳ hạn quy định hiện hành và báo cáo quản trị theo quy định của công ty/theo yêu cầu của Tổng

Giám đốc

3.5.7 Phòng Tư vấn đầu tư

Chức năng:

- Phát triển khách hàng:
Tìm kiếm, tiếp cận, chăm sóc khách hàng mới, khách hàng tiềm năng; khách hàng hiện có.
Tư vấn và bán hàng theo mục tiêu kinh doanh của Công ty đề ra: KPIs, doanh thu.
Hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh KPIs được giao bởi Tổng Giám đốc/Hội đồng quản trị.
- Phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ và các đơn vị liên quan để đảm bảo thực hiện đúng quy chế, quy định của Công ty, hoàn thành được mục tiêu kinh doanh được giao. Triển khai các chính sách bán hàng cho từng tệp khách hàng (chính sách cho khách hàng tiềm năng, chính sách khách hàng mới, gia hạn tái đầu tư).
- Quản lý toàn bộ hệ thống khách hàng của Công ty nhằm đảm bảo duy trì và phát triển mở rộng thị trường hoàn thành kế hoạch kinh doanh theo định hướng của Công ty.
- Phân tích thị trường để tham mưu, đề xuất chiến lược phát triển kinh doanh mở rộng thị trường, chính sách chăm sóc khách hàng theo định hướng Ban Lãnh đạo Công ty.

Nhiệm vụ:

- Xây dựng và tổ chức triển khai thành công hoạt động kinh doanh của Phòng tư vấn đầu tư theo định hướng chiến lược của Ban Lãnh đạo Công ty.
- Triển khai, giám sát việc thực hiện kế hoạch hàng tuần, tháng, quý, năm để đạt KPIs Công ty giao.
- Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty về việc phát triển kinh doanh và giao kế hoạch phát triển kinh doanh.
- Tổ chức nghiên cứu, đánh giá các cơ hội phát triển kinh doanh qua các kênh như hội thảo khách hàng, xây dựng mối quan hệ với khách hàng và đối tác.
- Thực hiện việc duy trì và phát triển quan hệ với các khách hàng hiện hữu.
- Đánh giá, cảnh báo rủi ro trọng yếu trong hoạt động kinh doanh tại các thị trường tài chính, đồng thời đề xuất phương thức nhằm nhận diện, phòng ngừa và ứng phó với các rủi ro tiềm tàng trong hoạt động kinh doanh.
- Chủ động đề xuất giải pháp xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu, chương trình hành động, chương trình thi đua hiện thực hóa kế hoạch kinh doanh theo từng giai đoạn.
- Phối hợp với các phòng ban trong Công ty giải quyết các khó khăn trong việc kinh doanh, các phản hồi của khách hàng nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng và đo lường hệ thống chỉ tiêu đo lường hiệu quả hoạt động của nhân viên kinh doanh.

- Xây dựng, hoàn thiện mô hình tổ chức, định biên nhân sự, mô tả công việc của nhân viên thuộc Phòng tư vấn đầu tư.

3.5.8 Phòng khách hàng doanh nghiệp

Phòng khách hàng doanh nghiệp có nhiệm vụ sau:

- Triển khai thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán cho khách hàng doanh nghiệp;
- Hỗ trợ thiết lập quan hệ giữa Công ty và khách hàng;
- Giới thiệu các sản phẩm Công ty cung cấp dành cho khách hàng doanh nghiệp;
- Phối hợp với các phòng/ ban trong Công ty bán chéo sản phẩm/ dịch vụ
- Tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật và Công ty.

3.5.9 Phòng môi giới chứng khoán cơ sở

Phòng môi giới chứng khoán cơ sở có nhiệm vụ:

- Triển khai thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán cơ sở cho khách hàng cá nhân;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật và Công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng, cải tiến các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán cơ sở;
- Nghiên cứu, đề xuất chính sách áp dụng cho hoạt động môi giới trong Công ty;

Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty các công việc liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán.

4. Cơ cấu cổ đông

4.1 Cơ cấu cổ đông tại ngày 21/12/2021

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 21/12/2021 như sau:

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty

STT	Cổ đông	số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài	108	33.900.000	100%
1	Trong nước	108	33.900.000	100%
1.1	Nhà nước	-	-	-
1.2	Tổ chức	1	700.000	2,06%
1.3	Cá nhân	107	33.200.000	97,94%
2	Nước ngoài	0	0	0%
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế	0	0	0%

	có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ			
2.2	Cá nhân	0	0	0%
	Tổng cộng	108	33.900.000	100%
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác	108	33.900.000	100%
1	Cổ đông lớn	0	0	0%
2	Cổ đông khác	108	33.900.000	100%
	Tổng cộng	108	33.900.000	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers tại ngày 21/12/2021)

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Không có

4.3 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14:

“Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.”

Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán năm 2008, đến nay đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng

- Danh sách những công ty mẹ của Công ty đại chúng, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng: không có
- Danh sách những công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối: không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Nghiệp vụ kinh doanh chính

Nghiệp vụ kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Môi giới chứng khoán;

hàng sử dụng tiền vay của công ty chứng khoán để tài dùng tới đa cơ hội đầu

Dịch vụ tài chính đóng vai trò hỗ trợ quan trọng cho hoạt động môi giới, giúp khách như quy định hiện hành (T+2).

Dịch vụ ứng trước tiền bán là dịch vụ SBSI hỗ trợ vốn giúp khách hàng nhận tiền ngay sau khi khớp lệnh bán chứng khoán mà không cần chờ tiền bán về tài khoản Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Dịch vụ giao dịch ký quỹ là dịch vụ SBSI hỗ trợ vốn cho khách hàng dưới hình thức

(Nguồn: Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers)



Hình 2: Ứng dụng giao dịch trên điện thoại (SB – App)

Dịch vụ tài chính: dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán (giao dịch ký

quy), dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán.

Dịch vụ giao dịch trực tuyến (SB – Trade), ứng dụng giao dịch trên điện thoại (SB –

App), bảng giá (SB – Board), Phân tích kỹ thuật (SB – Chart).

Mở tài khoản giao dịch, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn các quy định về giao

dịch, thực hiện lệnh, thanh toán bù trừ đa phương.

Hoạt động môi giới chứng khoán của Công ty bao gồm các hoạt động/dịch vụ chính sau:

- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

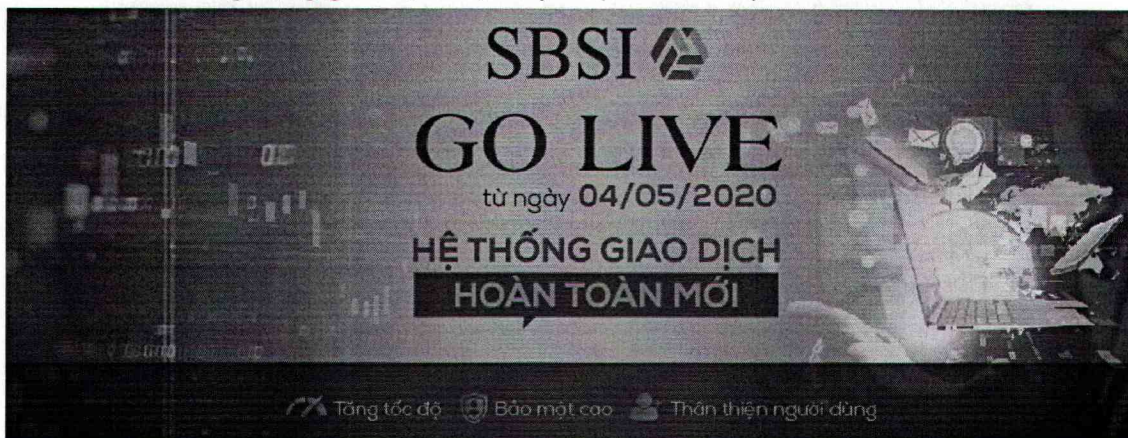
a) Môi giới chứng khoán

Hoạt động môi giới chứng khoán của Công ty bao gồm các hoạt động/dịch vụ chính

tư trên thị trường chứng khoán.

- Phân tích và lên bảng tin các báo cáo: báo cáo nhận định thị trường, báo cáo phân tích ngành, báo cáo phân tích kỹ thuật, báo cáo phân tích cổ phiếu, báo cáo khuyến nghị đầu tư ...
- Các hoạt động khác: chia sẻ kiến thức đầu tư cho nhà đầu tư

Hình 3: Ứng dụng giao dịch trực tuyến (SB – Trade) Go Live từ 04/05/2020




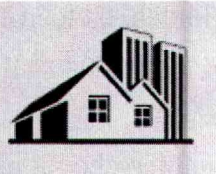
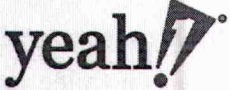



(Nguồn: Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers)

b) Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán

Các sản phẩm Công ty cung cấp gồm:

- Tư vấn tài chính doanh nghiệp:
 - Tư vấn công ty đại chúng;
 - Tư vấn Niêm yết, đăng ký giao dịch;
 - Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp;
 - Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp ...
- Tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp:
 - Xây dựng chiến lược, tìm kiếm và lựa chọn đối tượng để thực hiện M&A;
 - Khảo sát và xác định giá trị doanh nghiệp để đưa ra mức giá hợp lý;
 - Tư vấn lựa chọn phương thức mua bán sáp nhập;
 - Tư vấn các thủ tục, giấy tờ pháp lý liên quan.
- Tư vấn thị trường vốn:
 - Tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng
 - Tư vấn phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư tổ chức, đối tác chiến lược
- Thị trường nợ:
 - Tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ/ ra công chúng;
 - Đại lý phát hành/ bảo lãnh phát hành trái phiếu.

Một số thương vụ tiêu biểu:

STT	Tên doanh nghiệp	Nội dung
1	 TLC Korea	Tlc Korea co. Ltd <ul style="list-style-type: none"> • Tư vấn M&A cho một doanh nghiệp lĩnh vực nhựa và hóa chất ở Việt Nam • SBSI đóng vai trò tư vấn định giá, đại diện thực hiện giao dịch cho bên mua
2		Một công ty trong lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp <ul style="list-style-type: none"> • Tư vấn huy động vốn dài hạn thông qua hình thức các khoản vay liên kết tại các Ngân hàng với giá trị giao dịch khoảng 10 triệu USD
3	 yeah!	CTCP Tập đoàn Yeah1 <ul style="list-style-type: none"> • Tư vấn đầu tư tài chính ngắn hạn với giá trị đầu tư 4,5 triệu USD
4		CTCP Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận <ul style="list-style-type: none"> • Tư vấn niêm yết HSX
5	 HPC SINCE 1972	CTCP Nhựa Hà Nội <ul style="list-style-type: none"> • Tư vấn chào bán chứng khoán ra công chúng
6	 AN PHAT BIOPLASTICS	CTCP Nhựa An Phát Xanh <ul style="list-style-type: none"> • Tư vấn chào bán chứng khoán ra công chúng

c) Tự doanh chứng khoán

Để tối ưu hóa nguồn vốn kinh doanh, Công ty tìm kiếm các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán. Công ty sử dụng linh hoạt nguồn vốn và hình thức đầu tư để thực hiện tự doanh chứng khoán vì mục tiêu lợi nhuận trên cơ sở tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật và không làm xung đột lợi ích với khách hàng.

Danh mục đầu tư của Công ty rất đa dạng như cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ... niêm yết và chưa niêm yết trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau, của nhiều doanh nghiệp quy mô khác nhau trên cơ sở có tiềm năng tăng trưởng, tài sản chất lượng tốt và có khả năng mang lại mức sinh lời cao cho Công ty.

d) Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Bảo lãnh phát hành là một dịch vụ quan trọng của Công ty, trong đó Công ty cung

cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành dưới nhiều hình thức khác nhau (như bảo lãnh với cam kết chắc chắn, bảo lãnh với cố gắng cao nhất...) cho nhiều loại chứng khoán khác nhau như cổ phiếu, trái phiếu ... cho khách hàng.

e) Lưu ký và quản lý chứng khoán

SBSI cung cấp đa dạng các dịch vụ lưu ký cho khách hàng như: gửi, rút chứng khoán; lưu ký và tái lưu ký chứng khoán; thực hiện quyền; chuyển khoản, tất toán chứng khoán; biểu, tặng, cho, thừa kế, chuyển quyền sở hữu chứng khoán; phong tỏa và giải tỏa chứng khoán

Công ty cung cấp dịch vụ quản lý chứng khoán chuyên nghiệp cho rất nhiều Tổ chức phát hành góp phần tiết kiệm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp, tăng tính thanh khoản của chứng khoán quản lý bằng các dịch vụ điển hình như theo dõi và quản lý chuyển nhượng; thực hiện quyền cho cổ đông, trái chủ; báo cáo việc quản lý chứng khoán, chuyển nhượng chứng khoán ...

6.2 Doanh thu và chi phí qua các năm

a) Cơ cấu doanh thu

Cơ cấu doanh thu của Công ty các năm như sau:

Bảng 2: Cơ cấu Doanh thu của Công ty các năm

DVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Tỷ trọng Tổng doanh thu	Năm 2021	Tỷ trọng Tổng doanh thu	% tăng/ giảm
1	Doanh thu hoạt động					
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL)	16.995	26,3%	29.552	25,7%	73,9%
-	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	4.024	6,2%	40.234	35,0%	899,9%
-	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	11.974	18,6%	(11.974)	-10,4%	-200,0%
-	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	998	1,5%	1.292	1,1%	29,5%
1.2	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	1.591	2,5%	7.582	6,6%	376,6%
1.3	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5.500	8,5%	2.838	2,5%	-48,4%
1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	31.077	48,2%	66.635	58,0%	114,4%

1.5	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	75	0,1%	78	0,1%	4,2%
1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.075	1,7%	1.742	1,5%	62,0%
1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	6.570	10,2%	5.926	5,2%	-9,8%
1.8	Thu nhập hoạt động khác	-	-	0,1	0%	-
	Cộng doanh thu hoạt động	62.882	97,5%	114.352	99,6%	81,9%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	209	0,3%	450	0,4%	115,3%
3	Thu nhập khác	1.436	2,2%	1	0,0%	-99,9%
4	Tổng doanh thu	64.527	100%	114.803	100%	77,9%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)

Doanh thu hoạt động năm 2021 tiếp tục tăng mạnh so với năm 2020, cụ thể Doanh thu hoạt động năm 2021 đạt 114,3 tỷ đồng, tương ứng tăng trưởng 81,9% so với năm 2020. Trong cơ cấu doanh thu hoạt động, hai khoản mục chiếm tỷ trọng lớn tiếp tục là Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán và Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), chiếm tỷ trọng lần lượt là 58,2% và 25,8% tổng doanh thu năm 2021, tương ứng tăng trưởng lần lượt là 114,4% và 73,9% so với năm 2020, các hoạt động khác có biến động nhưng không lớn so với tổng doanh thu. Doanh thu hoạt động tài chính, Thu nhập khác năm 2021 chiếm tỷ trọng không đáng kể.

b) Cơ cấu chi phí

Cơ cấu chi phí của Công ty các năm:

Bảng 3: Cơ cấu chi phí của Công ty các năm

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Tỷ trọng chi phí hoạt động/tổng doanh thu	Năm 2021	Tỷ trọng chi phí hoạt động/tổng doanh thu	% tăng/giảm
1	Chi phí hoạt động					
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL)	2.612	4,0%	39.010	34,0%	1393,5%
-	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	2.600	4,0%	39.010	34,0%	1400,4%
-	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	12	0,0%	-	0,0%	-100,0%

1.2	Chi phí hoạt động tự doanh	51	0,1%	171	0,1%	235,3%
1.3	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	14.704	22,8%	28.596	25,0%	94,5%
1.4	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	2.112	3,3%	2.613	2,3%	23,7%
1.5	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.366	2,1%	975	0,9%	-28,6%
1.6	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	2.727	4,2%	1.559	1,4%	-42,8%
	Cộng chi phí hoạt động	23.571	36,5%	72.923	63,5%	209,4%
2	Chi phí tài chính	-	-	721	0,6%	-
3	Chi phí quản lý công ty chứng khoán	12.662	19,6%	13.769	12,0%	8,7%
4	Chi phí khác	1.815	2,9%	315	0,3%	-82,6%
5	Tổng chi phí	38.048	60,5%	87.728	76,4%	130,6%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)

Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty chứng khoán là hai khoản mục chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu chi phí. Chi phí tài chính ở mức thấp do Công ty hạn chế vay nợ, chi phí khác không đáng kể.

Năm 2021 chi phí hoạt động đạt 72,9 tỷ đồng, tăng 209,4% so với năm 2020, chi phí hoạt động tăng mạnh tương đồng với xu hướng tăng của doanh thu hoạt động năm 2021 (doanh thu hoạt động năm 2021 tăng 81,9%). Trong đó, các khoản mục chiếm tỷ trọng chính là Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán và Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), chiếm lần lượt 39,2% và 53,5% chi phí hoạt động năm 2021; hai khoản mục này tăng lần lượt 94,5% và 1393,5% so với năm 2020. Chi phí quản lý công ty chứng khoán năm 2021 tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2020.

Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán tăng tương ứng với Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán. Cụ thể, Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán năm 2021 đạt 66,6 tỷ đồng tăng 114,4% so với năm 2020, dẫn đến chi phí nghiệp vụ môi giới năm 2021 là 29,6 tỷ đồng, tăng 94,5% so với chi phí nghiệp vụ môi giới năm 2020. Sự biến động này là do thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2021 có một lượng lớn nhà đầu tư mới tham gia thị trường, giá trị giao dịch bình quân phiên trên thị trường chứng khoán tăng, hoạt động môi giới chứng khoán của các công ty chứng khoán được hưởng lợi.

Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) năm 2021 tăng do giá chứng khoán trong danh mục tự doanh của Công ty giảm. Giá chứng khoán biến động theo cung cầu cổ phiếu trên thị trường từng thời điểm, mức độ quan tâm, kì vọng của nhà đầu tư đến cổ phiếu, doanh nghiệp.

c) Cơ cấu lợi nhuận gộp

Cơ cấu lợi nhuận gộp từng loại hoạt động của Công ty như sau:

Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận gộp*Đơn vụ lợi nhuận gộp: từ*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
1	Lợi nhuận gộp hoạt động tự doanh	19.832	(6.791)	-134,2%
2	Lợi nhuận gộp nghiệp vụ môi giới chứng khoán	16.373	38.039	132,3%
3	Lợi nhuận gộp nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	75	78	4,0%
4	Lợi nhuận gộp nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	(291)	767	-363,6%
5	Lợi nhuận gộp hoạt động tư vấn tài chính	3.843	4.367	13,6%
	Cộng	39.832	36.460	-8,5%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)

Năm 2021 hai hoạt động chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu lợi nhuận gộp gồm: nghiệp vụ môi giới chứng khoán và hoạt động tư vấn tài chính. Lợi nhuận gộp năm 2021 giảm chủ yếu do lỗ hoạt động tự doanh. Hoạt động tự doanh năm 2020 chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu lợi nhuận gộp (chiếm 49,8%), tuy nhiên sang năm 2021, hoạt động tự doanh của Công ty không thuận lợi giá chứng khoán trong danh mục tự doanh của Công ty giảm dẫn đến hoạt động tự doanh lỗ 6,79 tỷ đồng. Mặc dù vậy, hoạt động môi giới chứng khoán tăng trưởng mạnh đã góp phần giúp lợi nhuận gộp của Công ty chỉ giảm 8,5% so với năm 2020.

7. Các hợp đồng lớn

Các hợp đồng lớn đã và đang ký kết của Công ty như sau:

Bảng 5: Các hợp đồng lớn

STT	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời gian thực hiện	Đối tác tham gia
1	Hợp đồng tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng	165.000.000	Năm 2021	CTCP Nhựa An Phát Xanh
2	Hợp đồng tư vấn phát hành cổ phiếu, tư vấn niêm yết cổ phiếu HSX	90.000.000	Năm 2021	CTCP Minh Hưng Quảng Trị
3	Hợp đồng Dịch vụ Đại lý phát hành trái phiếu Hợp đồng Dịch vụ Đại lý Đăng ký, Lưu ký và Chuyên nhượng	100.000.000	Năm 2021	CTCP Chứng khoán Dầu khí
4	Hợp đồng dịch vụ tư vấn phát hành cổ phiếu để trả cổ tức,	44.000.000	Năm 2021	CTCP Phát triển năng lượng Sơn Hà

	phát hành cổ phiếu cho người lao động			
5	Hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu Hợp đồng Dịch vụ Đại lý Đăng ký, Lưu ký và Chuyển nhượng trái phiếu Hợp đồng Dịch vụ Đại lý phát hành trái phiếu	122.000.000	Năm 2021	CTCP Phát triển giáo dục Igarten
6	Hợp đồng tư vấn tài chính, IPO và niêm yết	250.000.000	Năm 2021	CTCP Bất động sản Trường Phúc
7	Hợp đồng tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng	144.000.000	Năm 2021	CTCP Tập đoàn BGI
8	Hợp đồng dịch vụ tư vấn và tổ chức bán cổ phần tại CTCP Xây dựng và chuyển giao công nghệ thủy lợi	100.000.000	Năm 2021	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)
9	Hợp đồng dịch vụ tư vấn và tổ chức bán cổ phần tại CTCP Du lịch và Xúc tiến đầu tư	100.000.000	Năm 2021	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)
10	Hợp đồng thoái vốn tại CTCP Xây dựng phát triển nông thôn II Cao bằng	100.000.000	Năm 2021	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)
11	Hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu Hợp đồng Dịch vụ Đại lý Đăng ký, Lưu ký và Chuyển nhượng trái phiếu Hợp đồng Dịch vụ Đại lý phát hành trái phiếu	142.000.000	Năm 2021	CTCP Ozen Health And Beauty
12	Hợp đồng tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng	55.000.000	Năm 2021	CTCP Nhựa Hà Nội

(Nguồn: Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers)

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gần nhất và trong kỳ gần nhất

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gần nhất và trong kỳ gần nhất của Công ty:

Bảng 6: Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	376.740.358.714	428.923.702.623	13,9%

Vốn chủ sở hữu	365.389.476.188	364.482.928.121	-0,2%
Doanh thu hoạt động	62.882.094.251	114.351.725.991	81,9%
Kết quả hoạt động	26.858.068.767	27.388.409.277	2,0%
Kết quả hoạt động khác	(379.726.515)	(314.118.100)	-17,3%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.478.342.252	27.074.291.177	2,3%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.524.274.310	19.434.810.933	-20,8%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	6%	-	
Tỷ lệ cổ tức	6%	-	
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)	10.778	10.752	-0,2%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)

Tổng tài sản năm 2021 đạt 428,9 tỷ đồng, tăng trưởng 13,9% so với năm 2020, đặc thù hoạt động của công ty chứng khoán, cơ cấu tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản tài chính. Tài sản tài chính chiếm tỷ trọng trên 90% cơ cấu tài sản của Công ty, các tài sản khác chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Doanh thu hoạt động năm 2021 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020, tuy nhiên tốc độ tăng thấp hơn mức tăng chi phí hoạt động năm 2021, đồng thời các khoản mục khác (doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý công ty chứng khoán) tương đối ổn định, dẫn đến kết quả hoạt động năm 2021 tăng nhẹ so với năm 2020.

Cụ thể, năm 2021 doanh thu hoạt động (đạt 114,3 tỷ đồng) tăng 81,9%, chi phí hoạt động (đạt 72,9 tỷ đồng) tăng 209,4%, kéo theo kết quả hoạt động (đạt 27,4 tỷ đồng) chỉ tăng 2% so với cùng kỳ năm 2020.

Doanh thu hoạt động năm 2021 tăng chủ yếu do Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán (hoạt động môi giới) và Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (hoạt động tự doanh) tăng.

Chi phí hoạt động tăng nhanh hơn doanh thu hoạt động năm 2021 chủ yếu do lỗ hoạt động tự doanh tăng mạnh so với năm 2020 (khoản mục Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL)). Giá chứng khoán trong danh mục tự doanh của Công ty biến động không thuận lợi, Công ty ghi nhận khoản lỗ tự doanh tăng.

Kết quả hoạt động khác ít biến động và chiếm tỷ trọng không đáng kể. Kết quả hoạt động khác năm 2020, 2021 lần lượt là (380) triệu đồng và (314) triệu đồng). Kết quả hoạt động khác âm do thu nhập khác thấp hơn chi phí khác.

Thu nhập khác năm 2020 là 1.435 triệu đồng, trong đó chủ yếu là khoản tiền phạt Công ty thu được do khách hàng thanh lý Hợp đồng mua trái phiếu trước hạn. Tương ứng với đó là tiền lãi phạt đặt cọc mua bán trái phiếu 1.267 triệu đồng trong tổng chi phí khác 1.815 triệu đồng.

Thu nhập khác năm 2021 chỉ ghi nhận 1 triệu đồng, trong khi đó chi phí khác là 315 triệu đồng. Trong chi phí khác năm 2021 chủ yếu là Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý và Tiền thuê văn phòng.

Kết quả hoạt động năm 2021 tăng nhẹ so với năm 2020 trong khi Kết quả hoạt động khác ít biến động, dẫn đến Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2021 xấp xỉ năm 2020 và đạt mức 27,1 tỷ đồng. Tuy nhiên, Lợi nhuận trước thuế năm 2020 bao gồm 11,97 tỷ lợi nhuận chưa thực hiện, còn năm 2021 không có lợi nhuận chưa thực hiện, dẫn đến thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 là 1,95 tỷ đồng thấp hơn thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 (năm 2021 là 7,64 tỷ đồng). Vì thế lợi nhuận sau thuế năm 2021 thấp hơn năm 2020. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 19,4 tỷ đồng, giảm 20,8% so với năm 2020.

9. Vị thế của công ty trong ngành

9.1 Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Được thành lập từ năm 2008, với vốn điều lệ ban đầu là 35 tỷ đồng, đến nay vốn điều lệ của Công ty được nâng lên 339 tỷ đồng. Hiện quy mô về vốn, thị phần, kết quả kinh doanh của Công ty còn ở mức khiêm tốn so với các doanh nghiệp trong ngành. Tuy nhiên Công ty luôn chú trọng tính an toàn, hiệu quả hoạt động, chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng dịch vụ khách hàng, sản phẩm dịch vụ cung cấp.

Việc trở thành Công ty đại chúng cũng nằm trong chiến lược phát triển của Công ty nhằm tăng quy mô, thị phần, khả năng cạnh tranh của Công ty trong những năm tiếp theo.

Hiện có nhiều công ty chứng khoán đang hoạt động trên thị trường, tiến hành lựa chọn các công ty có quy mô tương đồng để so sánh gồm: Công ty cổ phần chứng khoán APG (APG), Công ty cổ phần chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (APS), Công ty cổ phần chứng khoán Phố Wall (WSS), Công ty cổ phần chứng khoán dầu khí (PSI). Tại thời điểm thu thập số liệu để so sánh, các doanh nghiệp chưa công bố Báo cáo tài chính Quý 4/2021. Kết quả so sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh 9 tháng năm 2021 của các doanh nghiệp như sau:

Bảng 7: Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	SBSI	APG	APS	WSS	PSI
Tổng tài sản	391,3	894,3	959,8	508,3	2008,5
Vốn chủ sở hữu	368,4	816,5	924,5	503,5	635,6
Doanh thu hoạt động	72,9	105,3	205,2	29,8	336,0
Lợi nhuận sau thuế	12,7	76,7	134,7	(19,3)	31,5
ROA	3.2%	8.6%	14.0%	-3.8%	1.6%
ROE	3.4%	9.4%	14.6%	-3.8%	5.0%

(Nguồn: Báo cáo tài chính Q3/2021 các Công ty)

Nhìn chung, so với các công ty chứng khoán trong ngành, quy mô của SBSI còn nhỏ. Tuy nhiên SBSI luôn chú trọng đến tính hiệu quả, an toàn hoạt động và luôn tìm các

hướng đi mới, sáng tạo nhằm tạo ra sự khác biệt, tăng khả năng cạnh tranh.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

Trải qua 25 năm hình thành và phát triển, thị trường chứng khoán đã có sự phát triển vượt bậc. Quy mô thị trường cổ phiếu đã tăng mạnh, đạt 122,2% GDP vào ngày 12/11/2021¹ (tính GDP năm 2020). Theo Đề án Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm 2020 - 2025, Chính phủ đặt mục tiêu năm 2025, vốn hóa của chứng khoán 120% GDP vào năm 2025. Như vậy, với mức vốn hóa trên, mục tiêu của đề án đã hoàn thành trước 4 năm.

Theo Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán đến 31/12/2021 của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đạt trên 4,3 triệu tài khoản², trong khi thời điểm cuối năm 2020 mới là 2,77 triệu tài khoản³. Thanh khoản thị trường luôn đạt ở mức cao trong vài năm trở lại đây, đặc biệt là trong thời gian gần đây khi đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh và có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã khẳng định vai trò là kênh huy động vốn quan trọng của nền kinh tế, đóng góp ngày càng lớn vào tổng đầu tư xã hội với tổng lượng vốn huy động qua thị trường chứng khoán năm 2020 đã đạt trên 30 điểm phần trăm GDP.

Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đưa ra mục tiêu tổng quát là xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán trở thành kênh dẫn vốn trung và dài hạn chủ yếu của nền kinh tế. Mục tiêu cụ thể là quy mô thị trường cổ phiếu đạt 85% GDP (đã điều chỉnh) vào năm 2025, đạt 110% GDP vào năm 2030. Quy mô thị trường trái phiếu phân đầu đạt 47% GDP vào năm 2025 và 58% GDP vào năm 2030. Tốc độ tăng trưởng chứng khoán phái sinh đạt khoảng 20 đến 30%/năm, số lượng nhà đầu tư đạt 5% dân số vào năm 2025 và 8% năm 2030 với cơ cấu nhà đầu tư tổ chức, nhà đầu tư chuyên nghiệp, nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư ngoài nước hợp lý...

Cùng với những nỗ lực của cơ quan quản lý và các thành viên thị trường, trong thời gian tới, thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ tiếp tục là kênh huy động vốn hữu hiệu của nền kinh tế, để các doanh nghiệp có thêm nguồn lực mở rộng hoạt động, nâng cao sức cạnh tranh và đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển kinh tế ...

Theo các chuyên gia, thị trường chứng khoán đang đứng trước những cơ hội lớn, có nhiều động lực để phát triển trong tương lai. Hiện số lượng tài khoản chứng khoán mở mới trên thị trường tăng cao trong thời gian qua, nhưng mới chỉ có khoảng hơn 1% dân số thực sự giao dịch chứng khoán, với quy mô giao dịch khoảng hơn 1 tỷ USD mỗi phiên, thị trường vẫn còn nhiều tiềm năng phát triển.

¹ https://mof.gov.vn/webcenter/portal/tttc/pages_r/1/chi-tiet-tin-tin-tuc-tai-chinh?dDocName=MOFUCM219355

² <https://www.vsd.vn/vi/ad/147124>

³ https://mof.gov.vn/webcenter/portal/tttc/pages_r/1/chi-tiet-tin-tin-tuc-tai-chinh?dDocName=MOFUCM219355

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến ngày 31/12/2021 số lượng cán bộ nhân viên của Công ty là 37 người, cơ cấu người lao động trong Công ty như sau:

Bảng 8: Số lượng người lao động trong Công ty

STT	Cơ cấu lao động	Số lượng	Tỷ lệ
1	Trên Đại Học	3	8,1%
2	Đại học	33	89,2%
3	Cao đẳng, Trung cấp	0	0%
4	Sơ cấp, khác	1	2,7%
	Tổng cộng	37	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers)

10.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

a) Chế độ làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h, cán bộ nhân viên được nghỉ thứ bảy và chủ nhật. Trường hợp do yêu cầu của công việc, cán bộ nhân viên làm thêm giờ sẽ được hưởng lương làm ngoài giờ theo quy định. Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Thời gian nghỉ phép năm, nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm đau, thai sản ... được đảm bảo đúng theo Luật Lao động.

Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, hiện đại. Cán bộ nhân viên được trang bị đầy đủ các công cụ lao động để làm việc. Ngoài ra, cán bộ nhân viên được trang bị đồng phục theo quy định Công ty.

b) Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Đào tạo:

Chính sách đào tạo của Công ty đảm bảo nguyên tắc nguồn nhân lực ổn định, lâu dài. Đề cao tính chuyên nghiệp, năng động trong các hoạt động của mình, Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo cho nhân viên, nhằm xây dựng đội ngũ có trình độ chuyên môn, giỏi nghiệp vụ.

Công ty có chính sách hỗ trợ học phí cho nhân viên tham gia các khóa đào tạo liên quan đến công việc nhằm đào tạo và tái đào tạo theo yêu cầu công việc từng thời điểm.

c) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương:

Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc, năng lực, chức vụ, bằng cấp, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty, lương được chi trả một lần vào ngày 15 hàng tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành.

Chính sách thưởng:

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc; hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc.

Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện các sáng kiến cải tiến về công việc; về tổ chức hoạt động kinh doanh của từng phòng ban và Công ty; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch nước ngoài khi có điều kiện. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi:

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo luật lao động, nội quy lao động.

Công ty luôn quan tâm đến đời sống của cán bộ nhân viên, có chính sách thăm hỏi, động viên đối với cán bộ nhân viên có điều kiện khó khăn. Vào các ngày lễ, tết trong năm Công ty tổ chức các hoạt động tham quan, nghỉ mát định kỳ cho cán bộ nhân viên.

11. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả.

Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới. Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty các năm như sau:

Bảng 9: Tỷ lệ chi trả cổ tức

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Dự kiến Năm 2021
Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	2,6%	6%	3%
Hình thức chi trả	Tiền mặt	Tiền mặt	Tiền mặt
Ghi chú	Đã thanh toán bằng tiền trong năm 2020	Đã thanh toán bằng tiền trong năm 2021	Dự kiến sẽ trả trong năm 2022

(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers)

12. Tình hình tài chính trong năm gần nhất và kỳ gần nhất

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

a) Vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 10: Vốn điều lệ, vốn kinh doanh

DVT: đồng

Vốn chủ sở hữu	31/12/2020	31/12/2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	339.000.000.000	339.000.000.000
Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-	(1.359.000)
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	649.372.459	1.903.909.023
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	649.372.459	1.903.909.023
Lợi nhuận chưa phân phối	25.090.731.270	21.676.469.075
Tổng vốn chủ sở hữu	365.389.476.188	364.482.928.121

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)

b) Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị : 02 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý : 02 - 03 năm
- Phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán : 03 - 10 năm

c) Các tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty:

Bảng 11: Các tài sản tài chính của Công ty

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
Tài sản tài chính	347.537.981.965	404.529.943.815
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.632.854.390	84.278.979.992
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) ⁽¹⁾	-	40.000.000.000
Các khoản cho vay ⁽²⁾	90.001.474.854	246.337.714.076
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) ⁽³⁾	241.510.381.056	2.608.422.577
Các khoản phải thu ⁽⁴⁾	202.057.200	24.686.282.469
Trả trước cho người bán	1.692.411.585	5.264.646.573
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	498.442.828	1.353.178.024
Các khoản phải thu khác	360.052	720.104

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)

(1): Chi tiết các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

	31/12/2020		31/12/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu ^(*)	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000
	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000

(*): Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, kì hạn 10 năm, ngày phát hành: 18/11/2021, lãi suất thả nổi và bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 1,0%/năm.

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty không thu thập được báo giá của 03 công ty chứng khoán theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 để xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu chưa niêm yết và trái phiếu chưa niêm yết, theo đó giá trị hợp lý được tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

(2): Chi tiết các khoản cho vay:

	31/12/2020	31/12/2021
	VND	VND
Hoạt động margin	47.607.800.551	57.444.094.207
Hoạt động ứng trước tiền bán	42.393.674.303	188.893.619.869
	90.001.474.854	246.337.714.076

(3): Chi tiết Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):

	31/12/2020		31/12/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết(*)	49.476.800.000	61.450.880.000	-	-
Trái phiếu niêm yết (*)	-	-	106.659.000	105.300.000
Trái phiếu(**)	180.059.501.056	180.059.501.056	2.503.122.577	2.503.122.577
	229.536.301.056	241.510.381.056	2.609.781.577	2.608.422.577

(*): Giá trị hợp lý của các cổ phiếu niêm yết được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HOSE tại ngày 31/12/2020.

(**): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

Cụ thể Tài sản tài chính sẵn sàng để bán như sau:

	Giá mua		Giá thị trường	
	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2020	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
AFS	229.536.301.056	2.609.781.577	241.510.381.056	2.608.422.577
Cổ phiếu niêm yết	49.476.800.000	-	61.450.880.000	-
Sàn Hồ Chí Minh	49.476.800.000	-	61.450.880.000	-
- APH	4.480.000.000	-	4.787.200.000	-
- NHH	44.996.800.000	-	56.663.680.000	-
Trái phiếu	180.059.501.056	2.609.781.577	180.059.501.056	2.608.422.577
- Trái phiếu công ty Cổ phần An Phát Finance ⁽ⁱⁱ⁾ (kỳ hạn 3 năm, lãi suất 11%/năm, ngày phát hành 20/12/2019)	33.468.497.724	2.176.712.879	33.468.497.724	2.176.712.879
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ⁽ⁱⁱ⁾ (kỳ hạn 3 năm, lãi suất 8%/năm, ngày phát hành 26/12/2019)	145.931.516.722	326.409.698	145.931.516.722	326.409.698
- Trái phiếu Công ty TNHH KCN kỹ thuật Cao An Phát ⁽ⁱⁱ⁾	659.486.610	-	659.486.610	-

- KBC121020 ⁽ⁱ⁾ (kỳ hạn 24 tháng, ngày phát hành: 24/06/2021, lãi suất 10,8%/năm)	-	106.659.000	-	105.300.000
--	---	-------------	---	-------------

⁽ⁱ⁾: Giá trị hợp lý của trái phiếu niêm yết được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HNX tại ngày 31/12/2021

⁽ⁱⁱ⁾: Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty không thu thập được báo giá của 03 công ty chứng khoán theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 để xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu chưa niêm yết và trái phiếu chưa niêm yết, theo đó giá trị hợp lý được tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

(4): Chi tiết các khoản phải thu:

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
Các khoản phải thu	202.057.200	24.686.282.469
Phải thu bán các tài sản tài chính ^(***)	-	24.075.000.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính	202.057.200	611.282.469

^(***): Số dư khoản phải thu bán cổ phiếu chưa niêm yết thuộc hoạt động tự doanh của Công ty tại ngày 31/12/2022, ngày 11/01/2022 Công ty đã thu được tiền toàn bộ khoản phải thu này.

d) Tình hình công nợ

Tình hình các khoản nợ phải trả của Công ty:

Bảng 12: Tình hình các khoản nợ phải trả của Công ty

DVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
Nợ phải trả ngắn hạn	11.350.882.526	64.440.774.502
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn ⁽⁵⁾	-	40.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.032.391.176	2.252.624.953
Phải trả người bán ngắn hạn	305.923.887	90.566.770
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.195.105.482	6.434.931.335
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.760.774.098	13.609.840.884
Phải trả người lao động	721.978.030	1.251.610.256
Chi phí phải trả ngắn hạn	148.948.441	801.200.304
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	185.761.412	-
Nợ dài hạn	-	-
Tổng cộng	11.350.882.526	64.440.774.502

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021)

⁽⁵⁾: Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng số 1711/2021/HĐVV/HII-SBSI ngày 16/11/2021, với các điều khoản chi tiết như sau:

- Công ty Cổ phần An Tiến Industries cho vay số tiền: 40.000.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 180 ngày;
- Lãi suất cho vay: 9%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

e) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn, báo cáo tài chính của Công ty không ghi nhận các khoản nợ quá hạn.

f) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, các khoản phí/lệ phí khác... theo quy định của pháp luật.

Bảng 13: Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
Thuế giá trị gia tăng	143.200.124	39.492.171
Thuế thu nhập doanh nghiệp	589.067.942	4.439.480.244
Thuế thu nhập cá nhân	6.028.506.032	9.130.868.469
Tổng cộng	6.760.774.098	13.609.840.884

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021)

g) Trích lập các Quỹ

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 14: Số dư các quỹ của Công ty

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	649.372.459	1.903.909.023
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	649.372.459	1.903.909.023
Tổng cộng	1.298.744.918	3.807.818.046

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021)

h) Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính của Công ty như sau:

Bảng 15: Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

ĐVT: đĩ t

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
A	Tài sản của công ty chứng khoán và tài sản quản lý theo cam kết		
1	Cổ phiếu đang lưu hành	33.900.000	33.900.000
2	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán	10.616.000.000	10.000.000
3	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	178.321.000.000	46.940.000.000
B	Tài sản và các khoản phải trả về tài sản quản lý cam kết với khách hàng		
1	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	2.339.660.210.000	3.277.705.110.000
1.1	<i>Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng</i>	<i>1.437.862.030.000</i>	<i>2.021.651.150.000</i>
1.2	<i>Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>155.050.000.000</i>	<i>16.468.960.000</i>
1.3	<i>Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	<i>630.945.080.000</i>	<i>1.017.348.000.000</i>
1.4	<i>Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>	<i>90.000.000.000</i>	<i>90.000.000.000</i>
1.5	<i>Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	<i>25.803.100.000</i>	<i>132.237.000.000</i>
2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	14.585.510.000	777.890.000
	<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>14.585.510.000</i>	<i>777.890.000</i>
3	Tiền gửi của khách hàng	9.195.672.785	161.189.783.236
3.1	<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>8.761.527.792</i>	<i>161.096.955.910</i>
3.2	<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán</i>	<i>433.384.993</i>	<i>5.687.326</i>
-	<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>433.384.993</i>	<i>2.222.391</i>
-	<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>-</i>	<i>3.464.935</i>
3.3	<i>Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán</i>	<i>760.000</i>	<i>87.140.000</i>
4	Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch	9.194.912.785	161.102.643.236

	chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
4.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	9.101.944.538	160.965.229.130
4.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	92.968.247	137.414.106
5	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	-	87.140.000
6	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	760.000	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty:

Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
1. Khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	30,66	6,28
- Hệ số thanh toán nhanh:		
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	30,66	6,28
2. Cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,03	0,15
- Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	0,03	0,18
3. Năng lực hoạt động		
- Vòng quay tổng tài sản:		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,17	0,28
- Vòng quay vốn lưu động:		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	0,18	0,30
- Vòng quay hàng tồn kho:		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	-	-
4. Khả năng sinh lời		
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS):		

Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	39,00%	17,00%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA):		
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	6,65%	4,82%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):		
Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	6,86%	5,33%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	723	573

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers)

13. Tài sản

Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2021:

Bảng 17: Tình hình tài sản của Công ty

DVT: đồng

STT	Tài sản cố định	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại trên nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	21.025.705.927	8.902.315.496	42,3%
1	Máy móc, thiết bị	20.836.711.936	8.902.315.496	42,7%
2	Thiết bị, dụng cụ quản lý	188.993.991	-	-
II	Tài sản cố định vô hình	16.998.810.520	9.040.336.151	53,2%
1	Phần mềm kế toán	690.325.520	96.170.775	13,9%
2	Phần mềm giao dịch chứng khoán	16.308.485.000	8.944.165.376	54,8%
	Tổng cộng	38.024.516.447	17.942.651.647	47,2%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021)

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

a) Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức dự kiến của Công ty như sau:

Bảng 18: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	
	Kế hoạch (*)	% tăng/giảm so với năm 2021
Vốn điều lệ	339.000.000.000	-
Doanh thu thuần	180.000.000.000	57,4%

- Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	81.400.000.000	22,2%
- Doanh thu kinh doanh nguồn vốn (hoạt động tự doanh, cho vay margin)	87.200.000.000	118,2%
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	11.400.000.000	92,4%
Lợi nhuận sau thuế	60.000.000.000	208,7%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	33,3%	96,1%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	16,5%	208,7%
Tỷ lệ cổ tức	30%	-

(*) Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức do Ban Tổng Giám đốc Công ty xây dựng dựa trên tình hình thực tế hoạt động của Công ty và thị trường chứng khoán, số liệu kế hoạch kinh doanh chính thức sẽ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua

b) Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên.

Tình hình thị trường chứng khoán:

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh nhiều ngành nghề, doanh nghiệp, sức mua của người tiêu dùng giảm sút. Nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ hồi phục nhanh chóng nhờ chính sách tiêm chủng thần tốc, sự hỗ trợ mạnh mẽ của Chính phủ thông qua các gói hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, cùng các điều kiện thuận lợi khác như mặt bằng lãi suất thấp, các gói kích cầu đầu tư công ...

Thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục được hỗ trợ bởi triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế, mặt bằng lãi suất thấp, số lượng nhà đầu tư tham gia thị trường chứng khoán tiếp tục tăng cao. Thị trường chứng khoán ngày càng chứng tỏ là một kênh đầu tư hấp dẫn và là kênh huy động vốn quan trọng của doanh nghiệp, nền kinh tế.

Đồng thời, thị trường chứng khoán Việt Nam được các chuyên gia, nhà đầu tư kỳ vọng năm 2022 tiếp tục có sự phát triển mạnh mẽ trên tất cả các khía cạnh như: giá trị giao dịch, số lượng nhà đầu tư mới tham gia thị trường, dòng vốn ngoại hồi phục, các sản phẩm mới ... Bên cạnh đó thị trường cũng sẽ tiếp tục chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty chứng khoán, đặc biệt là các công ty có vốn nước ngoài.

Trong bối cảnh đó, kế hoạch kinh doanh của Công ty được xây dựng dựa trên các nhận định, phân tích, đánh giá tình hình thị trường, đánh giá các yếu tố nội tại, nguồn lực hiện có và định hướng phát triển các năm tiếp theo.

Với xu hướng phát triển thị trường chứng khoán các năm gần đây và triển vọng các năm tiếp theo: quy mô thị trường ngày càng gia tăng, nhiều nhà đầu tư mới tham gia thị trường. Điều đó mở ra cơ hội cho các công ty trong ngành, đặc biệt là các Công ty hiện có thị phần khiêm tốn nhưng sẵn sàng thay đổi, có nguồn lực về vốn, con người, có

chiến lược phát triển đúng đắn thu hút tập khách hàng mới.

Kế hoạch triển khai nhằm đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên:

Tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán các năm tiếp theo có nhiều thuận lợi, thách thức đan xen, Công ty sẽ phát huy các thế mạnh, tận dụng các cơ hội, đồng thời tiếp tục chú trọng công tác quản trị rủi ro, an toàn nghiệp vụ.

Theo đó, Công ty đề ra nhiệm vụ cho các lĩnh vực hoạt động nhằm đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2022 như sau:

STT	Lĩnh vực	Nhiệm vụ
1	Nguồn vốn	<ul style="list-style-type: none">- Theo dõi, cân đối nguồn vốn, đảm bảo an toàn thanh khoản, an toàn hoạt động của Công ty;- Theo dõi sát tình hình thị trường, nhu cầu khách hàng, triển khai các giải pháp bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty;- Tăng cường hợp tác với các đối tác tổ chức tài chính để cung cấp nguồn vốn cho nhà đầu tư.
2	Môi giới	<ul style="list-style-type: none">- Nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ môi giới;- Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao chất lượng tư vấn cho đội ngũ môi giới;- Đẩy mạnh phát triển khách hàng cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.
3	Dịch vụ tài chính	<ul style="list-style-type: none">- Đa dạng hóa các hình thức cung cấp dịch vụ;- Cải tiến các sản phẩm theo hướng linh hoạt, thuận tiện với khách hàng, đảm bảo an toàn hoạt động;- Phát triển sản phẩm mới đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường;- Bổ sung nguồn vốn cho vay margin;- Kiểm soát rủi ro, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
4	Đầu tư	<ul style="list-style-type: none">- Cân đối nguồn vốn hợp lý, tìm kiếm các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán;- Tái cơ cấu danh mục đầu tư, đảm bảo tính hiệu quả.
5	Tư vấn tài chính	<ul style="list-style-type: none">- Triển khai các dịch vụ tư vấn truyền thống, đồng thời chú trọng khai thác các nghiệp vụ tư vấn về tái cấu trúc doanh nghiệp nhằm tăng giá trị hợp đồng tư vấn;

	<ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn và làm trung gian thu xếp vốn, cùng các nghiệp vụ IB khác; - Nâng cao chất lượng tư vấn.
6	<p>Tổ chức nhân sự</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường hoạt động đào tạo, tuyển chọn mới để bổ sung và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự; - Kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực.

Nguồn vốn huy động dự kiến cho hoạt động kinh doanh năm 2022: Công ty dự kiến vay ngân hàng, các định chế tài chính, phát hành trái phiếu (riêng lẻ và/hoặc ra công chúng) với tổng giá trị huy động vốn dự kiến 500.000.000.000 đồng.

Về hoạt động môi giới chứng khoán, Công ty kỳ vọng trong bối cảnh tình hình thuận lợi của thị trường chứng khoán hiện nay, sẽ tăng gấp đôi số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán (từ mức gần 5.000 tài khoản chứng khoán hiện nay lên 10.000 tài khoản chứng khoán). Chú trọng phát triển sản phẩm mới có tính cạnh tranh so với thị trường, tăng số lượng, chất lượng nhân sự môi giới chứng khoán, góp phần tăng doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán.

Về hoạt động cho vay margin, tự doanh: Công ty sẽ bổ sung nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu vay margin ngày càng tăng của nhà đầu tư. Đồng thời, Công ty sẽ tận dụng tối đa những cơ hội trên thị trường chứng khoán, kết hợp với hoạt động tư vấn tài chính nhằm tìm kiếm cơ hội đầu tư tiềm năng. Hướng đến cung cấp gói dịch vụ cho doanh nghiệp để gia tăng doanh thu như: tư vấn chào bán chứng khoán, tư vấn đại chúng, niêm yết chứng khoán, cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán, dịch vụ cho vay margin, xem xét cơ hội đầu tư tự doanh chứng khoán.

Về hoạt động tư vấn tài chính Công ty dự kiến triển khai các Hợp đồng với các khách hàng sau: Tập đoàn Sơn Hà, Công ty Cổ phần Tập đoàn BGI, Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị, Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (các Hợp đồng tư vấn thoái vốn), Công ty Cổ phần Bất động sản Trường Phúc ...

Ngoài ra, với triển vọng tích cực của thị trường chứng khoán Việt Nam và qua thực tế tiếp xúc với khách hàng: nhiều doanh nghiệp chưa đại chúng có nhu cầu đại chúng hóa, niêm yết chứng khoán, M&A ... Do vậy, Công ty kỳ vọng sẽ phát triển nhiều khách hàng mới từ nguồn này.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng

Không có

16. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Chiến lược, định hướng phát triển của Công ty các năm tiếp theo tập trung vào các

nội dung chính sau:

- Đại chúng hóa Công ty, tiến tới niêm yết trên thị trường chứng khoán nhằm tối ưu nguồn vốn hoạt động, tăng quy mô vốn kinh doanh. Việc này nhằm bổ sung nguồn lực về vốn, tăng tính cạnh tranh về sản phẩm dịch vụ công ty cung cấp như hoạt động môi giới, cho vay margin ...
- Mở rộng mạng lưới môi giới, xây dựng chính sách sản phẩm ưu đãi, hấp dẫn nhằm tăng tính cạnh tranh của sản phẩm, thu hút khách hàng mới;
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường các lớp đào tạo chuyên sâu cho cán bộ nhân viên;
- Chú trọng đầu tư hệ thống công nghệ nhằm cung cấp cho khách hàng các sản phẩm/ dịch vụ/ giải pháp mới, thuận tiện, có tính cạnh tranh;
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro, an toàn nghiệp vụ.

17. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty gồm 03 thành viên, trong đó Ông Trịnh Quang Huy được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày 01/06/2020. Hiện Hội đồng quản trị không có các tiểu ban trực thuộc. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị Công ty như sau:

STT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Trịnh Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Ông Nguyễn Quang Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
3	Ông Luyện Quang Thắng	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành

1.1 Ông Trịnh Quang Huy – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Trịnh Quang Huy
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 16/03/1984
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số nhà 21 ngõ Lan Bá, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Số CMND: 031084000001 Ngày cấp: 15/10/2012
Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
12/2006 - 03/2011	Trưởng nhóm Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Á Châu
03/2011 – 09/2013	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Tiên Phong
09/2013 – 12/2018	Giám đốc Kiểm tra	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương
2018 – 06/2020	Cố vấn Tổng giám đốc	Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers
06/2020 - nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty đại chúng của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - Sở hữu của người có liên quan: không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy chế lao động của Công ty.

1.2 Ông Nguyễn Quang Anh – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Quang Anh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/02/1978
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: số 652 La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Số CMND: 011958248 Ngày cấp: 18/05/2010 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2000 – 2003	Kế toán viên, Trưởng phòng Kế toán Chi nhánh	Văn phòng đại diện Công ty Kho vận Miền Nam & Chi nhánh Công ty Kho vận Miền Nam
2003 – 2005	Trưởng phòng kế toán	Công ty cổ phần xây dựng Công trình Thăng long 9, Công ty cổ phần Visco
2005 – 2006	Kế toán	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
04/2006 – 03/2013	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội & Công ty cổ phần Chứng khoán SHB

04/2013 – 08/2013	Phó Tổng Giám đốc	Công ty cổ phần Chứng khoán EuroCapital
08/2013 – 02/2015	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Công ty cổ phần Chứng khoán EuroCapital
02/2015 – 11/2015	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty cổ phần Chứng khoán EuroCapital
12/2015- 08/2017	Phó Ban Tài chính- Ban Tài Chính HO (Hội sở)	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Vpbank
08/2017 – 01/2019	Trưởng phòng Kế hoạch Hiệu suất, Khối quản trị tài chính	Ngân hàng TMCP Quốc Dân
01/2019 - 05/2019	Giám đốc tài chính	Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers
04/2019 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers
05/2019 - nay	Tổng Giám đốc	Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty đại chúng của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - Sở hữu của người có liên quan: không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy chế lao động của Công ty

1.3 Ông Luyện Quang Thắng – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Luyện Quang Thắng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 14/07/1994
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: số 10 ngách 463/28 Đội Cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

- Số CMND: 013098437 Ngày cấp: 09/08/2012 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
08/2016 – 06/2017	Trợ lý kiểm toán viên	Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam
09/2018 – nay	Trưởng phòng Ngân hàng đầu tư	Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers
04/2019 – nay	Thành viên HĐQT	Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Trưởng phòng Ngân hàng đầu tư
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty đại chúng của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 300.000 cổ phần, chiếm 0,88% vốn điều lệ;
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - Sở hữu của người có liên quan: không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy chế lao động của Công ty

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên, danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban kiểm soát Công ty như sau:

STT	Họ tên	Chức danh
1	Ông Đỗ Đức Lộc	Trưởng ban kiểm soát
2	Bà Trần Thị Hòa	Thành viên ban kiểm soát
3	Bà Đinh Thị Lan Anh	Thành viên ban kiểm soát

2.1 Ông Đỗ Đức Lộc – Trưởng ban kiểm soát

- Họ và tên: Đỗ Đức Lộc
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/04/1992
- Nơi sinh: Hà Nội

- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số nhà 349, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
- Số CMND: 012864823 Ngày cấp: 22/06/2006 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
01/2017 – 04/2018	Chuyên viên phân tích	Công ty cổ phần Chứng khoán Maritime
04/2018 – nay	Nhân viên kế toán	Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Yamato
11/2019 - nay	Trưởng Ban kiểm soát	Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Nhân viên kế toán Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Yamato
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty đại chúng của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - Sở hữu của người có liên quan: không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy chế lao động của Công ty

2.2 Bà Trần Thị Hòa – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Trần Thị Hòa
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 04/07/1988
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số nhà 3/17, Tứ Thông, Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Số CMND: 030188003715 Ngày cấp: 27/04/2017
Nơi cấp: Cục CS ĐKQL CT và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: cao đẳng Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
06/2017 – nay	Nhân viên	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Everland
11/2019 - nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Nhân viên Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Everland
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty đại chúng của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - Sở hữu của người có liên quan: không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy chế lao động của Công ty

2.3 Bà Đinh Thị Lan Anh – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Đinh Thị Lan Anh
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/04/1990
- Nơi sinh: Yên Bái
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: phường Yên Ninh, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
- Số CMND: 060887466 Ngày cấp: 28/03/2016 Nơi cấp: CA Yên Bái
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
11/2013 – 07/2018	Nhân viên kế toán	Công ty cổ phần Hóa chất nhựa Hải Phòng
08/2018 - nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty đại chúng của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - Sở hữu của người có liên quan: không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy chế lao động của Công ty

3. Tổng giám đốc và người quản lý khác

3.1 Ông Nguyễn Quang Anh – Tổng giám đốc

Thông tin chi tiết được nêu tại mục “1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị” nêu trên.

3.2 Bà Bùi Thị Việt Hà – Kế toán trưởng

- Họ và tên: Bùi Thị Việt Hà
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 15/06/1976
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: P710, nhà N08B Khu đô thị Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số CMND: 013083952 Ngày cấp: 19/06/2008 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính tín dụng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
11/1998 – 03/2000	Kế toán viên	Văn phòng đại diện Vipharco (Pháp)
03/2000 – 03/2007	Kế toán trưởng	Công ty TNHH Việt Phan
03/2007 – 11/2007	Nhân viên Ban dự án	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
11/2007 – 02/2010	Phó Phòng Kế toán Lưu ký	Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn Hà Nội
03/2010 – 09/2010	Nhân viên	Công ty Cổ phần chứng khoán

		Thăng Long
09/2010 – 11/2012	Trưởng Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia
11/2012 – 11/2014	Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia
05/2015 – 08/2018	Phụ trách Kế toán tài chính	Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB
08/2018 – 09/2019	Phó Phòng kế toán	Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers
10/2019 – nay	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Kế toán trưởng
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty đại chúng của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - Sở hữu của người có liên quan: không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo quy chế lao động của Công ty

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Hiện Điều lệ Công ty được ban hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Dự kiến Quý 1/2022, Công ty sẽ tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Theo đó, Hội đồng Quản trị Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung phù hợp với Công ty đại chúng, công ty chứng khoán.

Đồng thời, Hội đồng Quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Tuân thủ quy định pháp luật về công ty đại chúng, tham chiếu các mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Dự kiến trong Quý 1/2022, Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua, Công ty sẽ ban hành Điều lệ được sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế nêu trên theo đúng quy định về quản trị công ty đại chúng, công ty chứng khoán.

Để tăng cường quản trị công ty, Công ty sẽ xây dựng Điều lệ Công ty, các quy chế quản trị công ty phù hợp với các quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng, công ty chứng khoán. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và

lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty.

Các quy chế về quản trị công ty sẽ là cơ sở để giám sát, đánh giá việc tuân thủ các quy định về quản trị công ty tại Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers. Các quy chế được xây dựng nhằm:

- Tuân thủ quy định pháp luật hiện hành về quản trị công ty với công ty đại chúng, công ty chứng khoán;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty
- Đảm bảo cơ cấu quản trị công ty hiệu quả.

5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của Công ty như sau:

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày đáp ứng điều kiện công ty đại chúng	Tỷ lệ sở hữu	Mối quan hệ với người nội bộ
I	Hội đồng quản trị					
1	Ông Trịnh Quang Huy	008C114072	Chủ tịch HĐQT	0	0	
1.1	<i>Trịnh Quang Minh</i>	<i>Không có</i>		<i>0</i>	<i>0</i>	<i>Bố đẻ</i>
1.2	<i>Lê Thị Nguyên</i>	<i>Không có</i>		<i>0</i>	<i>0</i>	<i>Mẹ đẻ</i>
1.3	<i>Lê Thị Thu Hương</i>	<i>22411699 (ACBS)</i>		<i>0</i>	<i>0</i>	<i>Vợ</i>
1.4	<i>Trịnh Quang Hưng</i>	<i>Không có</i>		<i>0</i>	<i>0</i>	<i>Em trai</i>
1.5	<i>Trịnh Lê An Nhiên</i>	<i>Không có</i>		<i>0</i>	<i>0</i>	<i>Con gái</i>
1.6	<i>Trịnh Lê An Phương</i>	<i>Không có</i>		<i>0</i>	<i>0</i>	<i>Con gái</i>
1.7	<i>Lê Đình Lư</i>	<i>Không có</i>		<i>0</i>	<i>0</i>	<i>Bố vợ</i>
1.8	<i>Vũ Thị Bám</i>	<i>Không có</i>		<i>0</i>	<i>0</i>	<i>Mẹ vợ</i>
2	Ông Nguyễn Quang Anh	088C028686	Thành viên HĐQT kiêm Tổng	0	0	

			giám đốc			
2.1	Nguyễn Văn Đượ	Không có		0	0	Bố đẻ
2.2	Nguyễn Thị Minh Kiểm	Không có		0	0	Mẹ đẻ
2.3	Nguyễn Thị Kim Minh	Không có		0	0	Em gái
2.4	Lê Thị Thu Hương	026C008323		0	0	Vợ
2.5	Nguyễn Khoa Nguyên	Không có		0	0	Con trai
2.6	Nguyễn Tuệ An	Không có		0	0	Con gái
2.7	Lê Văn Kiên	Không có		0	0	Bố vợ
2.8	Trần Thị Toan	Không có		0	0	Mẹ vợ
3	Ông Luyện Quang Thăng	088C025758	Thành viên HĐQT	300.000	0,88%	
3.1	Luyện Quang Trung	Không có		0	0	Bố đẻ
3.2	Phạm Thị Huệ	Không có		0	0	Mẹ đẻ
3.3	Luyện Thùy Châu	Không có		0	0	Em gái
3.4	Trần Thị Tuyết Ngân	088C021494		0	0	Vợ
3.5	Luyện Hoàng Dương	Không có		0	0	Con trai
3.6	Trần Văn Đĩnh	Không có		0	0	Bố vợ
3.7	Nguyễn Thị Tú Hoa	Không có		0	0	Mẹ vợ
II	Ban Tổng Giám đốc					
1	Ông Nguyễn Quang Anh (Người có liên quan nêu trên)	088C028686	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	0	0	
2	Bà Bùi Thị Việt Hà	088C021566	Kế toán trưởng	0	0	
2.1	Bùi Trí Thức	Không có		0	0	Bố đẻ
2.2	Phan Thị Châu	Không có		0	0	Mẹ đẻ
2.3	Nguyễn Đức Thái Vũ	088C021189		0	0	Con trai
2.4	Nguyễn Duy Bảo Ngọc	Không có		0	0	Con gái
2.5	Bùi Thị Thủy Ngân	Không có		0	0	Chị gái
2.6	Bùi Thị Thu Huệ	069C000102		0	0	Em gái
2.7	Bùi Thành Đạt	069C030385		0	0	Em trai
2.8	Nguyễn Thế Minh	Không có		0	0	Anh rể
2.9	Nguyễn Việt Hùng	Không có		0	0	Em rể
2.10	Hà Thị Minh Hiền	069C000903		0	0	Em dâu

III	Ban kiểm soát					
1	Ông Đỗ Đức Lộc	088C115286	Trưởng ban kiểm soát	0	0	
1.1	Đỗ Xuân Thủy	Không có		0	0	Bố đẻ
1.2	Phạm Thị Lợi	Không có		0	0	Mẹ đẻ
1.3	Đỗ Trường Xuân	Không có		0	0	Anh trai
1.4	Đinh Thị Phương Linh	Không có		0	0	Chị dâu
2	Bà Đinh Thị Lan Anh	088C017466	Thành viên ban kiểm soát	0	0	
2.1	Đinh Gia Hoàng	Không có		0	0	Bố đẻ
2.2	Bùi Thị Duyên	Không có		0	0	Mẹ đẻ
2.3	Dương Huy Bình	Không có		0	0	Chồng
2.4	Dương Huy Hồng Minh	Không có		0	0	Con trai
2.5	Dương Ngọc Minh Anh	Không có		0	0	Con gái
2.6	Đinh Thị Quỳnh Hoa	Không có		0	0	Em gái
2.7	Đường Trung Hiếu	Không có		0	0	Em rể
2.8	Ngô Thị Thúc	Không có		0	0	Mẹ chồng
3	Bà Trần Thị Hòa	088C020991	Thành viên Ban kiểm soát	0	0	
3.1	Trần Vân Khánh	Không có		0	0	Bố đẻ
3.2	Phạm Thị Cẩm	Không có		0	0	Mẹ đẻ
3.3	Trần Thị Huyền	Không có		0	0	Chị gái
3.4	Trần Văn Khoa	026C458086		0	0	Em trai
3.5	Trần Văn Khôi	Không có		0	0	Em trai
3.6	Nguyễn Đức Thịnh	088C115888		0	0	Chồng
3.7	Nguyễn Đức Minh	Không có		0	0	Con trai
3.8	Nguyễn Trần Diệp Chi	Không có		0	0	Con gái
3.9	Nguyễn Đức Thọ	Không có		0	0	Bố chồng
3.10	Nguyễn Thị Loan	Không có		0	0	Mẹ chồng
3.11	Đàm Xuân Hùng	Không có		0	0	Anh rể

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers)

6. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định

Chi tiết các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan được nêu tại thuyết minh Báo cáo tài chính từng thời điểm. Năm 2021, các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo Báo cáo tài chính của Công ty như sau:

Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty:

Bảng 19: Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan năm 2021

ĐVT: đồng

	Chức danh	Năm 2020	Năm 2021
Ông Nguyễn Quang Anh	Tổng Giám đốc	1.063.168.490	1.360.395.323
Ông Trịnh Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	57.917.284	826.306.109
Ông Luyện Quang Thắng	Thành viên HĐQT	401.500.868	565.100.410

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)

Ngoài ra, người nội bộ Công ty là cổ đông được hưởng cổ tức, mức cổ tức nhận được hàng năm theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2022
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG**

Tổng Giám đốc



[Handwritten signature]
Nguyễn Quang Anh

PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán
2. **Phụ lục II:** Điều lệ công ty
3. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán

